TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST.
Ngày: 10/4/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Minh Tuấn.

2. Bà Trần Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức N, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1998; nơi sinh tỉnh Kon Tum; số căn cước công dân 062098002646; nơi cư trú: Tổ dân phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1973 và bà Phan Thị H, sinh năm 1972; vợ Y T1, sinh năm 2003; bị cáo có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 23/10/2017, bị Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức phạt tiền số tiền 750.000 đồng.

- Ngày 12/8/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 23/2019/HS-ST, đã chấp hành xong bản án và thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích.

- Ngày 21/4/2023 Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bằng hình thức phạt tiền số tiền 2.500.000 đồng,

đã chấp hành.

Bị cáo Nguyễn Đức N bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/12/2024 đến ngày 10/4/2025 bị bắt tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964. Có mặt.

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1972. Có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố F, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum.

2. Anh Vũ Văn P, sinh năm 1991. Có mặt.

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 30/11/2024, Nguyễn Đức N điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu KITAFU, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 82AA- 085.14 đi từ nhà xuống xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum với mục đích đi tìm nhà người dân sơ hở để trộm cắp tài sản, khi đi N mang theo những công cụ gồm: 01 *(một)* thanh kim loại tiết diện tròn hình chữ L; 01 *(một)* con dao nhọn và 01 *(một)* đoạn dây cao su màu đen. Khi đi tới nhà bà Nguyễn Thị X thuộc thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum thấy không có người ở nhà nên N đã nãy sinh ý định đột nhập vào để trộm cắp tài sản. N điều khiển xe mô tô đi vào lô cà phê phía sau nhà bà X nhằm tránh sự phát hiện của người nhà rồi dựng xe mô tô tại bờ lô cà phê, N đi bộ đến khu vực cửa sổ phía sau cửa phòng bếp dùng tay mở cánh cửa sổ ra, N dùng thanh kim loại hình chữ L để mở các ốc vít tại khung bảo vệ cửa sổ rồi cạy khung bảo vệ bằng kim loại và đột nhập vào bên trong ngôi nhà. Khi vào được bên trong ngôi nhà, N vào phòng ngủ số *01 (cửa phòng ngủ số 01 không khóa)* để lục lọi tài sản nhưng không có tài sản gì giá trị nên N tiếp tục đi qua phòng ngủ số 03 cửa phòng đang khóa, N sử dụng con dao mang theo để mở khóa phòng ngủ số 03 nhưng không được. Sau đó, N quay trở lại vào phòng bếp nhìn thấy 02 *(hai)* máy cắt cỏ để tại nền nhà phòng bếp nên đã lấy 02 máy cắt cỏ đi ra xe mô tô dựng trước đó và dùng dây cao su buộc 02 *(hai)* máy cắt cỏ trên sau xe rồi điều khiển xe mô tô chở 02 *(hai)* máy cắt cỏ trộm cắp được về cất giấu tại lô cà phê gần nhà. Đến khoảng 04 giờ 00 phút ngày 01/12/2024, do lo sợ bị phát hiện nên N điều khiển xe mô tô trên ra vị trí cất giấu 02 *(hai)* máy cắt cỏ trước đó rồi chở 02 máy cắt cỏ xuống đặt trước cổng nhà của bà X với mục đích để trả lại máy cắt cỏ cho gia đình bà X. Ngày 01/12/2024, bà X làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ. Đến

khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Đức N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 38/KL-HĐĐG ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 *(một)* máy cắt cỏ màu đỏ đen, nhãn hiệu KAWASAKI, loại TJ53E, có giá 3.500.000 đồng *(ba triệu năm trăm ngàn đồng)* và 01 *(một)* máy cắt cỏ màu cam đen, không rõ nhãn hiệu có giá 1.100.000 đồng *(một triệu một trăm ngàn đồng)*. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là: 4.600.000 đồng *(bốn triệu sáu trăm ngàn đồng)*.

Tại Bản Cáo trạng số 10/CT-VKSĐH, ngày 25/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức N không thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà; bị cáo cho rằng những lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra là do bị cáo khai theo yêu cầu và hướng dẫn của Cơ quan Công an chứ bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không trộm cắp tài sản gì của ai ngoài ra bị cáo cũng thừa nhận có đến nhà và đưa cho bị hại bà Nguyễn Thị X số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nhưng cũng do Công an yêu cầu bị cáo đi bồi thường.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng và quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức N đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, h, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án. Bị cáo làm nông, có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị X đã nhận lại tài sản và trong quá trình điều tra bị cáo cũng đã bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 *(một)* thanh kim loại tiết diện tròn màu trắng hình chữ L *(dụng cụ mở ốc vít size 8)*. Trên thanh kim loại có in dòng chữ "8mm LS LS 200201 CRV"; 01 *(một)* con dao dài 20,5cm, vỏ dao được làm bằng gỗ dài 12,2cm, phần lưỡi dao làm bằng kim loại dài 11cm, rộng 1,5cm, đầu lưỡi dao vát nhọn, cán dao được làm bằng gỗ dài 9,5cm, hai đầu cán

dao được bọc kim loại màu trắng và 01 *(một)* đoạn dây cao su màu đen dài 01 mét. Trả lại cho bà Phan Thị H 01 *(một)* chiếc xe mô tô nhãn hiệu KITAFU màu đỏ - đen, biển kiểm soát 82AA-085.14, xe đã qua sử dụng. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Đức N cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung vụ án và căn cứ định tội*.

Mặc dù tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức N không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng truy tố. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Đức N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà. Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong suốt quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án không có sự mâu thuẫn, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị hại bà Nguyễn Thị X về thời gian, địa điểm và tài sản bị trộm cắp, tại phiên tòa bị hại bà Nguyễn Thị X cũng khẳng định chính bị cáo Nguyễn Đức N là người đã đến nhà bà 0 lần để xin lỗi và bồi thường cho bà số tiền 2.000.000 đồng. Ngoài ra trong các bản tự khai, biên bản hỏi cung bị can, bị cáo Nguyễn Đức N đều cam đoan lời khai của mình là đúng sự thật và xác nhận tự nguyện khai báo, không bị ai ép buộc mặt khác bản thân bị cáo trong quá trình điều tra được tại ngoại nhưng không có đơn thư khiếu nại hay tố cáo gì về việc bị Cơ quan điều tra ép cung hay dùng nhục hình đối với bị cáo. Vì vậy, việc bị cáo cho rằng những lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra là do bị cáo khai theo yêu cầu và hướng dẫn của Cơ quan Công an và việc bị cáo đi bồi thường cho bà Nguyễn Thị X số tiền 2.000.000 đồng là cũng theo yêu cầu của Cơ quan Công an là không có căn cứ mà thể hiện sự quanh co, chối tội.

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú/đầu thú, kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 10 giờ, ngày 30/11/2024, bị cáo Nguyễn Đức N đã lén lút đột nhập và nhà của bà Nguyễn Thị X, tại thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 máy cắt cỏ, có đặc điểm: 01 máy cắt cỏ nhãn hiệu KAWASAKI loại TJ53E, màu đỏ - đen và 01 máy cắt cỏ không rõ nhãn hiệu, màu cam - đen đều đã qua sử dụng của bà Nguyễn Thị X. Tài sản bị cáo trộm cắp theo kết luận định giá có trị giá là 4.600.000 đồng *(Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Hành vi nói trên của bị cáo Nguyễn Đức N đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản"* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo*:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu đã một lần bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản.

[4] *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 01 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản và 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị X số tiền 2.000.000 đồng; tài sản trộm cắp đã được bị cáo trả lại cho bị hại nên thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn; sau khi thực hiện hành vi phạm tội mặc dù hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo chưa bị ai phát hiện nhưng bị cáo đã tự nguyện trả lại tài sản và đến Cơ quan Công an "Tự thú" tự mình nhận tội và khai ra hành vi trộm cắp tài sản mà chưa bị ai phát hiện. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về quyết định hình phạt:* Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo làm nông có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại bà Nguyễn Thị X đã nhận lại tài sản, quá trình điều tra bị cáo cũng đã bồi thường cho bà được 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị X không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về xử lý vật chứng*:

- Đối với 01 *(một)* máy cắt cỏ nhãn hiệu KAWASAKI loại TJ53E, màu đỏ - đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong và 01 *(một)* máy cắt cỏ không rõ nhãn hiệu, màu cam - đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị X. Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn Thị X quản lý, sử dụng là phù hợp nên không xem xét.

- Đối với 01 *(một)* thanh kim loại tiết diện tròn màu trắng hình chữ L *(dụng cụ mở ốc vít size 8)*. Trên thanh kim loại có in dòng chữ "8mm LS LS 200201 CRV"; 01 *(một)* con dao dài 20,5cm, vỏ dao được làm bằng gỗ dài 12,2cm, phần lưỡi dao làm bằng kim loại dài 11cm, rộng 1,5cm, đầu lưỡi dao vát nhọn, cán dao được làm bằng gỗ dài 9,5cm, hai đầu cán dao được bọc kim loại màu trắng và 01 *(một)* đoạn dây cao su màu đen dài 01 mét. Xét thấy, đây là các đồ vật của bị cáo, bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội và có giá trị không đáng kể nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu KITAFU màu đỏ - đen, biển kiểm soát 82AA-085.14, xe đã qua sử dụng là tài sản của bà Phan Thị H. Việc bị cáo sử dụng xe mô tô nói trên để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản bà H không biết nên trả lại cho bà Phan Thị H 01 *(một)* chiếc xe mô tô nhãn hiệu KITAFU màu đỏ - đen, biển kiểm soát 82AA-085.14, xe đã qua sử dụng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, h, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức N** 09 *(Chín)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 10/4/2025.

3. Về xử lý vật chứng**:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 *(một)* thanh kim loại tiết diện tròn màu trắng hình chữ L *(dụng cụ mở ốc vít size 8)*, trên thanh kim loại có in dòng chữ "8mm LS LS 200201 CRV"; 01 *(một)* con dao dài 20,5cm, vỏ dao được làm bằng gỗ dài 12,2cm, phần lưỡi dao làm bằng kim loại dài 11cm, rộng 1,5cm, đầu lưỡi dao vát nhọn, cán dao được làm bằng gỗ dài 9,5cm, hai đầu cán dao được bọc kim loại màu trắng và 01 *(một)* đoạn dây cao su màu đen dài 01 mét.

- Trả lại cho bà Phan Thị H 01 *(một)* chiếc xe mô tô nhãn hiệu KITAFU màu đỏ - đen, biển kiểm soát 82AA-085.14, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

(Các vật chứng, đồ vật nêu trên có đặc điểm theo như các biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/4/2025) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tiến

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Cơ quan CSĐT;
- Trại TGCA tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Bị cáo và các đương sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.